

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ NÔNG NGHIỆP HÀ NỘI

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ NÔNG NGHIỆP HÀ NỘI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HA NOI AGRICULTURAL TECHNOLOGY DEVELOPMENT INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: HA NOI AGRICULTURAL TECHNOLOGY DEVELOPMENT INVESTMENT., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108432559

3. Ngày thành lập: 13/09/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 35, Khu Tập thể Thủy sản, Xã Thanh Liệt, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email: lanhuong.env@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Chăn nuôi gia cầm	0146
2.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
3.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
4.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp - Kinh doanh phân bón (phân bón hữu cơ và phân bón khác) - Buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	4669
5.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
6.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
7.	Trồng lúa	0111
8.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
9.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ Sản xuất phân bón	2012
10.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
11.	Bán buôn thực phẩm	4632
12.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
13.	Trồng cây hàng năm khác	0119

14.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
15.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
16.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
17.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp	7214
18.	Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật, hôn nhân có yếu tố nước ngoài, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán)	7020
19.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán)	6619
20.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
21.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
22.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
23.	Khai thác gỗ (trừ các loại gỗ Nhà nước cấm)	0220
24.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
25.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
26.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
27.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
28.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
29.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
30.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
31.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
32.	Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp Chi tiết: Sản xuất thuốc bảo vệ thực vật (trừ thuốc bảo vệ thực vật sinh học có hoạt chất là các vi sinh vật có ích)	2021
33.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến	4663
34.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
35.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp không kèm người điều khiển	7730

36.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Môi giới chuyển giao công nghệ; - Tư vấn chuyển giao công nghệ; - Đánh giá công nghệ; - Giám định công nghệ; - Xúc tiến chuyển giao công nghệ.	7490
37.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
38.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
39.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
40.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
41.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
42.	Trồng cây ăn quả	0121
43.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
44.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
45.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
46.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
47.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa	0142
48.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	0144
49.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
50.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
51.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161(Chính)
52.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
53.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
54.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164

6. Vốn điều lệ: 1.200.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	LÊ THỊ LAN HƯƠNG	Số 2, Ngách 15 Ngõ 1182, Đường Quang Trung, Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	48.000	480.000.000	40,000	001183001658	
			Tổng số	48.000	480.000.000	40,000		
2	DOÃN CHÍ DŨNG	Thôn Phương Vũ, Xã Phương Dục, Huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	36.000	360.000.000	30,000	001072009640	
			Tổng số	36.000	360.000.000	30,000		
3	PHẠM NGỌC VĨNH	Thôn Tảo Dương, Xã Hồng Dương, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	36.000	360.000.000	30,000	111564121	
			Tổng số	36.000	360.000.000	30,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: LÊ THỊ LAN HƯƠNG

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 04/12/1983

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 001183001658

Ngày cấp: 06/05/2014

Nơi cấp: *Cục cảnh sát ĐK QL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 2, Ngách 15 Ngõ 1182, Đường Quang Trung, Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 35, Khu Tập thể Thủy sản, Xã Thanh Liệt, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội